

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày 04 tháng 11 năm 2020

**THỎA THUẬN KHUNG**

Số: 49

***V/v cung cấp thuốc cho các cơ sở y tế công lập của tỉnh Bình Phước thuộc Gói thầu mua thuốc generic cho các cơ sở y tế công lập của tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 – 2022***

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 2176/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc cho các cơ sở y tế công lập của tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 – 2022;

Căn cứ Quyết định số 351/QĐ-SYT ngày 09/9/2020 của Sở Y tế tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu gói thầu mua thuốc generic cho các cơ sở y tế công lập của tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 – 2022;

Hôm nay, ngày 04/11/2020, tại Hội trường Sở Y tế. Chúng tôi gồm:

**I. Cơ quan ký thỏa thuận khung (sau đây gọi là Bên A):**

Tên Chủ đầu tư: Sở Y tế tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ: Khu phố 1, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước  
Điện thoại: 02713879272

E-mail: nghiєpvduocbinhpnuoc@gmail.com

Đại diện là ông/bà: Quách Ái Đức

Chức vụ: Giám đốc Sở Y tế

**II. Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên nhà thầu: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 74 Thống Nhất, phường Vạn Thắng, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: 02583 810462

Fax: 02583 825845

Email: duocphankhanhhoa@gmail.com

Tài khoản số: 8001100899006 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Khánh Hòa

Mã số thuế: 4200562765

Đại diện là ông: Phạm Ngọc Sửu

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Giấy ủy quyền ký Thỏa thuận khung số 1435/GUQ-CT.DP ngày 04 tháng 9 năm 2019





Hai bên thống nhất ký kết Thỏa thuận khung cho việc cung cấp thuốc cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu mua thuốc generic cho các cơ sở y tế công lập của tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 – 2022 như sau:

### **1. Phạm vi cung cấp**

- Phạm vi cung cấp là các mặt hàng thuốc trúng thầu theo số lượng của từng phần được phân bổ cho các cơ sở y tế trên địa bàn.
- Trên cơ sở Thỏa thuận khung này, Nhà thầu và các cơ sở y tế trên địa bàn sẽ ký hợp đồng để cung ứng thuốc cho từng cơ sở y tế.

### **2. Thời gian, địa điểm giao hàng:**

- Nhà thầu giao hàng làm nhiều đợt trong thời gian 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực quy định trong hợp đồng. Các cơ sở y tế (bên mua) dự trữ số lượng thuốc tùy theo nhu cầu thực tế của từng đơn vị; nhà thầu phải đáp ứng cung cấp đủ số lượng, đạt chất lượng hàng hóa theo thời gian thỏa thuận với các cơ sở y tế được quy định trong hợp đồng. Bên mua có thể dự trữ hàng đợt xuất khi cần thiết phục vụ kịp thời cho công tác khám chữa bệnh.
- Địa điểm giao hàng: Hàng hóa được giao tại kho của bên mua theo danh mục các cơ sở y tế đính kèm thuộc Gói thầu mua thuốc generic cho các cơ sở y tế công lập của tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 – 2022

### **3. Điều kiện bàn giao hàng hóa, thanh toán, thanh lý hợp đồng**

#### **3.1. Điều kiện bàn giao hàng hóa**

- Thuốc cung cấp phải bảo đảm về tiêu chuẩn kỹ thuật được nêu trong Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với Bộ Y tế. Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho các cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu còn 06 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 đến dưới 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm.
- Thuốc phải được đóng gói, dán nhãn đúng quy cách được nêu trong Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu. Nhà thầu sẽ phải đóng gói thuốc đúng yêu cầu quy định và phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển thuốc từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm thuốc không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.
- Có phiếu kiểm nghiệm cho từng lô thuốc theo quy định, có giấy báo lô và hạn dùng của thuốc (có thể in trên hóa đơn bán hàng) khi giao hàng.
- Về vận chuyển: Nhà thầu phải trực tiếp vận chuyển hàng hoá đến kho của các cơ sở y tế, Nhà thầu phải chịu mọi chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng, phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật trong quá trình vận chuyển như: bảo quản lạnh, chống nắng, nóng ẩm mốc v.v..., phương tiện vận chuyển, quy trình vận chuyển phải phù hợp với nguyên tắc “Thực hành tốt phân phối thuốc - GDP” mà nhà thầu đã đạt được. Khi giao nhận thuốc tại cơ sở y tế phải thực hiện kiểm nhập tất cả các thuốc trước khi nhập kho và lập biên bản kiểm nhập có đầy đủ nội dung



kiểm nhập và chữ ký của các thành viên Hội đồng kiểm nhập theo đúng quy định.

### **3.2. Điều kiện thanh toán**

- Phương thức thanh toán: Các cơ sở y tế ký hợp đồng mua bán với nhà thầu thực hiện thanh toán cho nhà thầu bằng chuyển khoản hoặc hình thức phù hợp theo quy định hiện hành.

- Thời hạn thanh toán không quá 90 ngày kể từ khi nhà thầu giao hàng và xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu (phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán được cụ thể trong hợp đồng).

**3.3. Thanh lý hợp đồng:** Thực hiện theo quy định hiện hành.

### **4. Hướng dẫn sử dụng hàng hóa, điều kiện bảo hành**

- Hàng hóa cung cấp có nhãn đúng quy định về nhãn thuốc, có tờ hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt Nam.

- Nhà thầu phải thu hồi và đổi hàng hóa trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu.

- Kiểm tra, thử nghiệm hàng hoá thực hiện theo quy định trong Điều kiện chung nêu tại Chương VI và Điều kiện cụ thể nêu tại Chương VII của Hồ sơ mời thầu.

### **5. Trách nhiệm của Bên A(1)**

- Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và thỏa thuận khung đến các cơ sở y tế y tế thuộc phạm vi cung cấp của Thỏa thuận khung theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho Nhà thầu trong việc thương thảo và ký hợp đồng với các cơ sở y tế.

- Công khai thỏa thuận khung trên Cổng Thông tin điện tử Sở Y tế và thông báo bằng văn bản đến các đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương.

- Cung cấp các thông tin cần thiết để các đơn vị trúng thầu tiến hành ký kết hợp đồng cung cấp thuốc với các cơ sở y tế.

### **6. Trách nhiệm của bên B(1)**

- Tiến hành ký kết Thỏa thuận khung với Sở Y tế để cung cấp các mặt hàng thuốc thuộc gói thầu

- Ký hợp đồng mua bán thuốc với các cơ sở y tế theo số lượng của từng mặt hàng đã phân bổ cho từng cơ sở y tế. Nhà thầu có trách nhiệm tổng hợp gửi về Sở Y tế tỉnh Bình Phước 1 bản hợp đồng đã ký kèm bản gốc bảo lãnh thực hiện hợp đồng do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành (**nhà thầu thực hiện bảo lãnh thực hiện hợp đồng với Sở Y tế tỉnh Bình Phước**).

- Cung ứng đầy đủ thuốc và đúng tiến độ theo đúng chủng loại, số lượng, đơn giá không vượt quá giá trúng thầu đã được phê duyệt.

- Thực hiện đầy đủ các yêu cầu trong điều kiện chung nêu tại Chương V và điều kiện cụ thể nêu tại Chương VI và nội dung của Bản cam kết được nêu trong Hồ sơ yêu cầu (đính kèm các bản cam kết của nhà thầu);

HCM  
S Y  
BINH



- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng đã ký giữa Nhà thầu với các cơ sở y tế.
- Thực hiện chế độ báo cáo cho Sở Y tế tỉnh Bình Phước về tình hình bàn giao, tiếp nhận thuốc theo định kỳ hàng tháng, hàng quý và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

**7. Hiệu lực và thời hạn thực hiện thỏa thuận khung**

- Thỏa thuận khung này là cơ sở để các cơ sở y tế ký hợp đồng mua thuốc với nhà thầu cung cấp thuốc.
- Thời gian thực hiện Thỏa thuận khung: 24 tháng.

**8. Xử phạt do vi phạm**

- Việc xử phạt do vi phạm các điều khoản của Thỏa thuận khung/Hợp đồng đã ký kết được thực hiện theo các quy định hiện hành.
- Thỏa thuận khung này được làm thành 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU**



*DS. Phạm Ngọc Sửu*

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ MUA SẮM TẬP TRUNG**



**QUÁCH ÁI ĐỨC**







Số: 435/GUQ-CT.DP

Nha Trang, ngày 04 tháng 09 năm 2019

### GIẤY ỦY QUYỀN

V/v thường xuyên ký kết các văn bản giao dịch về lĩnh vực đấu thầu  
với các cơ sở y tế trên phạm vi cả nước.

- Tôi tên : **Lê Nhuận**, sinh năm: 1953.
- Số CMND : 056053000001, cấp ngày 26/05/2014,
- Nơi cấp : Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư
- Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
- Là đại diện theo pháp luật của Công ty CP Dược phẩm Khánh Hòa.
- Địa chỉ: 74 Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, TP.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

➤ **Bằng văn bản này, tôi ủy quyền cho:**

- Họ và tên : **Phạm Ngọc Sửu** Sinh năm: 1962
- CMND số : 225018330 Ngày cấp: 15/03/2006 tại CA.Khánh Hòa
- Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa.
- Địa chỉ : 74 Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, TP.Nha Trang, Khánh Hòa

#### Nội dung ủy quyền

Ủy quyền thường xuyên ký kết các văn bản giao dịch về lĩnh vực đấu thầu  
thuộc với các cơ sở y tế trên phạm vi cả nước cụ thể như sau:


- Ký Biên bản thương thảo;
- Ký kết Thỏa thuận khung;
- Ký kết Hợp đồng mua bán dược phẩm; phụ lục hợp đồng;
- Ký Biên bản nghiệm thu;
- Ký Biên bản thanh lý hợp đồng.

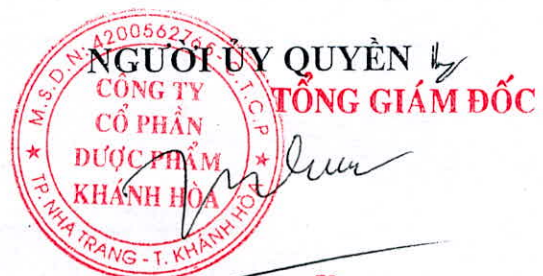
#### Cam kết thực hiện

- Người ủy quyền: Xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung ủy quyền nêu trên.
- Người được ủy quyền: Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐQT, trước pháp luật về nội dung được ủy quyền nêu trên.

➤ Thời hạn ủy quyền: từ ngày 04/09/2019 đến hết ngày 31/12/2021.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

  
DS. Phạm Ngọc Sửu



DS. Lê Nhuận



# Phụ lục thảo thuận khung

(Đính kèm thỏa thuận khung số 49 ngày 04/11/2020)

MUA THUỐC GENERIC CHO CÁC CƠ SỞ Y TẾ CÔNG LẬP CỦA TỈNH BÌNH PHƯỚC GIAI ĐOẠN 2020-2022 THEO QUYẾT ĐỊNH TRÚNG THẦU SỐ 447/QĐ-SYT NGÀY 04/11/2020

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
N4														
1	45	Alimemazin	Thelizin	VD-24788-16	5mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 20 vỉ x 25 viên	82	2.813.000	230.666.000
2	52	Alverin	Alverin	VD-16685-12	40mg	Viên nén	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 15 viên	130	438.343	56.984.590
3	57	Ambroxol	Ambroxol	VD-31730-19	30mg	Viên nén	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	126	115.000	14.490.000
4	64	Amitriptylin hydroclorid	Amitriptylin	VD-26865-17	25mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 500 viên	139	103.400	14.372.600
5	109	Atorvastatin	Atorvastatin 20	VD-21313-14	20mg	Viên nén	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 1000 viên	200	102.000	20.400.000
6	151	Bisoprolol	Bisoprolol	VD-22474-15	5mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	192	20.000	3.840.000
7	157	Bromhexin	Bromhexin	VD-31731-19	8mg	Viên nén	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 04 vỉ x 50 viên	37	1.120.000	41.440.000
8	199	Captopril	Captopril	VD-32847-19	25mg	Viên nén	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	105	521.000	54.705.000
9	278	Cinnarizin	Cinnarizin	VD-31734-19	25mg	Viên nén	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 04 vỉ x 50 viên	47	2.615.000	122.905.000
10	297	Clorpheniramin	Clorpheniramin	VD-32848-19	4mg	Viên nén	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 1000 viên	30	4.432.000	132.960.000
11	316	Desloratadin	Desloratadin	VD-25193-16	5mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	163	66.000	10.758.000
12	321	Dexchlorpheniramin	Dexchlorpheniramin 2	VD-23580-15	2mg	Viên nén	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 15 viên	55	454.000	24.970.000





13	331	Diclofenac	Diclofenac	VD-25528-16	50mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	105	350.000	36.750.000
14	354	Domperidon	Domperidon	VD-28972-18	10mg	Viên nén	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 200 viên	58	972.000	56.376.000
15	365	Drotaverin clohydrat	Drotaverin	VD-25706-16	40mg	Viên nén	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	176	444.000	78.144.000
16	401	Esomeprazol	Esomeprazol 20mg	VD-33458-19	20mg	Viên nang	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	304	1.188.000	361.152.000
17	430	Fexofenadin	Fefasdin 180	VD-32849-19	180mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	675	287.400	193.995.000
18	433	Fexofenadin	Fefasdin 120	VD-22476-15	120mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	480	157.000	75.360.000
19	486	Glucosamin	Glucosamin	VD-31739-19	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	240	415.000	99.600.000
20	549	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	Isosorbid	VD-22910-15	10mg	Viên nén	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	178	125.000	22.250.000
21	577	Lansoprazol	Lansoprazol	VD-21314-14	30mg	Viên nang	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 1000 viên	298	105.000	31.290.000
22	612	Losartan	Losartan	VD-22912-15	50mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	229	180.000	41.220.000
23	654	Meloxicam	Kamelox 15	VD-21863-14	15mg	Viên nén	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	105	1.943.000	204.015.000
24	672	Methyl prednisolon	Methylprednisolon 16	VD-20763-14	16mg	Viên nén	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 1000 viên	625	1.154.000	721.250.000
25	680	Methyl prednisolon	Methylprednisolon 4	VD-22479-15	4mg	Viên nén	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 1000 viên	205	1.013.000	207.665.000
26	782	Omeprazol	Kagastine	VD-33461-19	20mg	Viên nang	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 1000 viên	124	885.000	109.740.000
27	805	Paracetamol	Panactol 325mg	VD-19389-13	325mg	Viên nén	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 1000 viên	89	310.000	27.590.000
28	833	Perindopril	Perindopril	VD-23584-15	4mg	Viên nén	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	374	44.000	16.456.000
29	845	Phenobarbital	Phenobarbital	VD-26868-17	100mg	Viên nén	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	218	999.760	217.947.680

XHC

3 Y

BÌNH



30	870	Piroxicam	Piroxicam	VD-31120-18	20mg	Viên nang	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	174	450.000	78.300.000
31	887	Prednisolon	Hydrocolacyl	VD-19386-13	5mg	Viên nén	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 1000 viên	92	1.983.000	182.436.000
32	924	Rotundin	Rotundin 30	VD-22913-15	30mg	Viên nén	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	337	250.800	84.519.600
33	1032	Trihexyphenidyl	Trihexyphenidyl	VD-30410-18	2mg	Viên nén	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 500 viên	105	20.200	2.121.000
34	1063	Vitamin B1	Vitamin B1	VD-26869-17	250mg	Viên nén	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 200 viên	299	195.000	58.305.000
35	1083	Vitamin C	Vitamin C 250	VD-16399-12	250mg	Viên nang	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 200 viên	132	544.000	71.808.000

**TỔNG CỘNG**      **35,00**      **3.706.781.470,00**

N3

36	285	Ciprofloxacin	Ciprofloxacin	VD-30407-18	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	890	269.000	239.410.000
37	587	Levofloxacin	Kaflovo	VD-17469-12	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 01 vi x 05 viên	1.320	301.000	397.320.000
38	651	Meloxicam	Meloxicam	VD-16392-12	7,5mg	Viên nén	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	234	1.927.000	450.918.000

**TỔNG CỘNG**      **3,00**      **1.087.648.000,00**

**TỔNG CỘNG**      **38,00**      **4.794.429.470,00**



